

Số: 252/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22- 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Anh Doan

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T** năm 1979, nơi cư trú: tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M** năm 1974, nơi cư trú: tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Bà **T2** ông **Nguyễn Văn M2** người làm mai mối, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P** đám cưới vợ chồng sống chung cha mẹ chồng được 1 tháng rồi ra sống riêng quá trình chung sống hàng ngày vợ chồng làm thuê, công việc không ổn định nhưng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông **M3** lo làm ăn, nhậu nhẹt say xỉn về kiếm chuyện chửi mắng, có hành vi bạo lực gia đình, cả hai thường xuyên bất đồng ý kiến, bà T không thể chịu đựng nữa nên tự bỏ đi, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể

hàn gán bà M yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Văn M4**

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Nguyễn Thị Mỹ H** ngày 04/10/2002 và **Nguyễn Thị H1** Psinh ngày 09/7/2000 và Nguyễn Hữu T1 sinh ngày 17/8/2005. Nay cả 03 con chung đã trưởng thành, tự lập không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn với ông M. Con chung đã trưởng thành, tự lao động được, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 09/8/2002 do **Ủy ban nhân dân xã P** là hôn nhân hợp pháp. Bà T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm, không liên lạc với nhau và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: đã trưởng thành, tự lao động được.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Võ Thị T3**

1. Về hôn nhân gia đình: bà **Võ Thị T4** ly hôn với ông **Nguyễn Văn M4**.

2. Về con chung: đã trưởng thành, tự lao động được.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ: Ghi nhận bà T trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: bà **Võ Thị T5** chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006414 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông **Nguyễn Văn M4** không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Xuân, huyện Phú Tân
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

